

Số: 1294/QĐ-TCT

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành quy chế trao đổi thông tin
theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ quy định về việc trao đổi thông tin tại Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các nước và vùng lãnh thổ đang có hiệu lực thi hành;

Căn cứ Thông tư số 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần có hiệu lực thi hành tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 115/2009/QĐ-TTg ngày 28/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế trực thuộc Bộ Tài chính và các văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Vụ, đơn vị thuộc Tổng cục Thuế, Cục Thuế và Chi cục Thuế;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

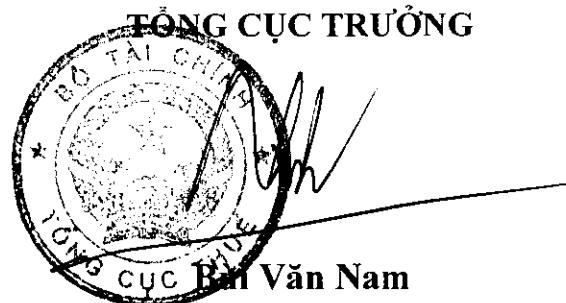
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế trao đổi thông tin theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 583/QĐ-TCT ngày 11/5/2011 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế về việc ban hành Quy chế trao đổi thông tin theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Điều 3. Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế; Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: Kiên

- Nhu Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Các Vụ: HTQT, TCDN, CST, PC – Bộ TC;
- Lãnh đạo TCT;
- Các Vụ/dơn vị thuộc, trực thuộc TCT;
- Cục Thuế các tỉnh/TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, HTQT (3b) Kiên. *A10*



**QUY CHẾ TRAO ĐỔI THÔNG TIN
THEO HIỆP ĐỊNH TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN**

(*đã hành kèm theo Quyết định số 129/QĐ-TCT
ngày 15... tháng 8 năm 2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế*)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc trao đổi thông tin theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ các nước và vùng lãnh thổ đang có hiệu lực thi hành (sau đây gọi là Hiệp định thuế); các bước trao đổi và khai thác thông tin của Tổng cục Thuế và các đơn vị có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Thuế; Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (có đề nghị Tổng cục Thuế hỗ trợ cung cấp hoặc xác minh thông tin về người nộp thuế; hoặc được cung cấp thông tin dưới dạng tự động/tự nguyện từ phía Cơ quan thuế nước ngoài; hoặc được yêu cầu cung cấp/xác minh thông tin về người nộp thuế theo đề nghị của Tổng cục Thuế).

Điều 3. Nguyên tắc trao đổi thông tin

1. Việc trao đổi thông tin với Cơ quan thuế nước ngoài theo quy định của Hiệp định thuế được thực hiện tập trung tại Tổng cục Thuế. Tổng cục Thuế giao Vụ Hợp tác quốc tế (sau đây viết tắt là Vụ HTQT) là đầu mối tiếp nhận và đề xuất xử lý, các đơn vị liên quan khác phối hợp thực hiện theo chức năng hoặc phân công của Tổng cục Thuế.

Đối với Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, Cục Thuế giao 01 Phòng chủ trì, phối hợp với các Phòng khác, các Chi cục Thuế có liên quan (nếu cần phối hợp) theo chức năng hoặc phân công của Cục Thuế để khai thác, thu thập thông tin theo đề nghị của Tổng cục Thuế. Phòng chủ trì có trách nhiệm tổng hợp kết quả xử lý báo cáo Cục Thuế để báo cáo Tổng cục Thuế (qua Vụ HTQT) theo quy định. Cục Thuế có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) thông tin về Phòng chủ trì chịu trách nhiệm trao đổi thông tin về thuế liên quan đến Cơ quan thuế nước ngoài.

2. Thông tin trao đổi về người nộp thuế theo Hiệp định thuế thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật của ngành Tài chính theo quy định của Bộ Công an.

3. Việc khai thác thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và Hiệp định thuế. Thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp phải được quản lý theo quy định của pháp luật Việt Nam tương tự như đối với các thông tin mà ngành thuế Việt Nam quản lý. Các thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp có thể được khai thác cho mục đích quản lý thuế và không trái với quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Việc cung cấp thông tin cho Cơ quan thuế nước ngoài thực hiện theo quy định tại Hiệp định thuế nhưng không trái với quy định của pháp luật Việt Nam. Cơ quan thuế Việt Nam chỉ cung cấp các thông tin có được trong quá trình quản lý thuế. Các thông tin khác về người nộp thuế, Cơ quan thuế Việt Nam sẽ chuyển các cơ quan chức năng của Việt Nam để xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Thu trao đổi cung cấp thông tin cho Cơ quan thuế nước ngoài do nhà chức trách có thẩm quyền ký.

CHƯƠNG II

CÁC LOẠI THÔNG TIN ĐƯỢC TRAO ĐỔI VÀ KHAI THÁC

Điều 4. Thông tin từ phía Việt Nam

Đây là loại thông tin Cơ quan thuế Việt Nam cung cấp cho Cơ quan thuế nước ngoài theo yêu cầu bằng văn bản (thu trao đổi thông tin) của Cơ quan thuế nước ngoài theo quy định của Hiệp định thuế; và thông tin trao đổi tự động từ phía Cơ quan thuế Việt Nam phù hợp với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 5. Thông tin từ phía nước ngoài

Đây là loại thông tin Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp cho Cơ quan thuế Việt Nam trong các trường hợp sau đây:

1. Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cơ quan thuế Việt Nam (trao đổi thông tin theo yêu cầu).
2. Cơ quan thuế nước ngoài tự động cung cấp (trao đổi thông tin tự động).
3. Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp thông tin cần thiết để Cơ quan thuế Việt Nam tiến hành thu thập thông tin theo yêu cầu nhưng các thông tin này có thể khai thác cho công tác quản lý thuế của Cơ quan thuế Việt Nam (trao đổi thông tin tự nguyện).

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC TRAO ĐỔI VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN

Điều 6. Tổ chức cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cơ quan thuế nước ngoài

1. Tại Cơ quan Tổng cục Thuế

1.1. Vụ HTQT

a) Trong 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được thư đến đề nghị cung cấp thông tin của Cơ quan thuế nước ngoài, Vụ HTQT gửi Cơ quan thuế nước ngoài thông báo đã nhận được thư và đang trong quá trình xử lý (theo mẫu số 1-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này).

b) Trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thư đến đề nghị cung cấp thông tin của Cơ quan thuế nước ngoài, Vụ HTQT dịch, phân tích, khai thác thông tin về người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu của ngành Thuế tại Tổng cục Thuế (nếu có) và báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thuế một trong các hướng xử lý dưới đây:

b1. Gửi thư cho Cơ quan thuế nước ngoài đề nghị bổ sung thông tin (nếu các thông tin tại thư trao đổi không đủ để Cơ quan thuế Việt Nam tiến hành thu thập thông tin) hoặc từ chối cung cấp thông tin nếu đề nghị cung cấp thông tin của Cơ quan thuế nước ngoài không đúng với quy định của Hiệp định thuế hoặc trái với pháp luật Việt Nam; hoặc

b2. Báo cáo Bộ Tài chính nếu thông tin đề nghị cung cấp có liên quan đến lĩnh vực chống tham nhũng, rửa tiền; hoặc

b3. Chuyển đơn vị có liên quan tại Cơ quan Tổng cục Thuế (sau đây gọi là đơn vị thuộc Tổng cục Thuế) tiến hành thu thập thông tin theo chức năng nếu thông tin đề nghị cung cấp liên quan đến các đối tượng nước ngoài đang bị Cơ quan thuế nước ngoài điều tra hình sự, thanh tra trốn thuế hoặc liên quan đến đấu thầu hợp đồng tại Việt Nam; hoặc

b4. Trình Lãnh đạo Tổng cục Thuế ký công văn đề nghị Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (Bộ Công an, Bộ Ngoại giao,...) tiến hành thu thập thông tin đối với các trường hợp khác; hoặc

b5. Trường hợp đặc biệt (cần thêm thời gian xử lý, tình huống phát sinh ngoài quy định hiện hành) sẽ báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thuế xem xét và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo.

c) Trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin do các đơn vị cung cấp (đơn vị thuộc Tổng cục Thuế, Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, ...), hoặc yêu cầu hỗ trợ từ Cục Thuế, Vụ HTQT phân tích, trình Lãnh đạo Tổng cục Thuế thông tin có thể cung cấp cho Cơ quan thuế nước ngoài hoặc các biện pháp hỗ trợ Cục Thuế.

d) Trong 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng cục Thuế, Vụ HTQT gửi thư cho Cơ quan thuế nước ngoài thông báo kết quả thu thập thông tin hoặc thông báo cho Cục Thuế xác nhận đã nhận được thông báo kéo dài thời gian thu thập thông tin hoặc các biện pháp hỗ trợ.

1.2. Các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế

a) Trong 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu thập thông tin từ Vụ HTQT, đơn vị thuộc Tổng cục Thuế có trách nhiệm gửi Phiếu báo (theo

mẫu số 3b-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này) cho Vụ HTQT xác nhận về việc đã nhận được yêu cầu cung cấp thông tin.

b) Trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu thập thông tin từ Vụ HTQT, đơn vị thuộc Tổng cục Thuế có nhiệm vụ tổ chức, thu thập thông tin theo chức năng của mình và thông báo cho Vụ HTQT để xử lý theo quy định tại điểm c), khoản 1.1, Điều 6 nêu trên.

c) Trường hợp việc thu thập thông tin phức tạp (liên quan đến nhiều địa phương, nhiều người nộp thuế,...) phải tiến hành các biện pháp thu thập thông tin, kiểm tra hoặc thanh tra, trong 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu thập thông tin từ Vụ HTQT, đơn vị thuộc Tổng cục Thuế có trách nhiệm trình Lãnh đạo Tổng cục phụ trách khối và thông báo cho Vụ HTQT (theo mẫu số 2a-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này) để phối hợp theo dõi.

2. Tại Cục Thuế

2.1. Trong 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu thập thông tin từ Tổng cục Thuế, Cục Thuế có trách nhiệm gửi Phiếu báo (theo mẫu số 3a-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này) cho Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) xác nhận về việc đã nhận được yêu cầu cung cấp thông tin và thông báo tên đơn vị (bao gồm thông tin liên hệ) thuộc Cục Thuế được giao việc thu thập thông tin.

2.2. Trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu thập thông tin từ Tổng cục Thuế, Cục Thuế có trách nhiệm tổ chức thu thập thông tin theo yêu cầu và thông báo cho Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) (theo mẫu số 4-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này) để xử lý theo quy định tại điểm c), khoản 1.1, Điều 6 nêu trên.

2.3. Trường hợp việc thu thập thông tin phức tạp (liên quan đến nhiều địa phương, nhiều người nộp thuế,...) phải tiến hành các biện pháp thu thập thông tin, kiểm tra hoặc thanh tra, trong 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thu thập thông tin từ Tổng cục Thuế, Cục Thuế có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) (theo mẫu số 2b-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này) về việc kéo dài thời gian hoặc yêu cầu hỗ trợ thu thập thông tin để theo dõi và phối hợp theo quy định tại điểm c), khoản 1.1, Điều 6 nêu trên.

2.4. Trường hợp các thông tin do Tổng cục Thuế đề nghị cung cấp thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế, Cục Thuế (Phòng chủ trì) có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thu thập thông tin của Chi cục Thuế và tổng hợp, báo cáo Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) theo quy định.

2.5. Tổ chức tiếp nhận, xử lý, báo cáo kết quả trao đổi thông tin theo Hiệp định thuế tại Cục Thuế như sau:

- Bước 1: Hồ sơ được gửi về Phòng chủ trì. Phòng chủ trì thực hiện phân tích sơ bộ thông tin, khai thác thông tin hiện có (bao gồm khai thác từ Ứng dụng CNTT) của Cơ quan thuế và trình Lãnh đạo Cục Thuế cung cấp thông tin, tài liệu cho Tổng cục Thuế hoặc giao Phòng chức năng thích hợp xử lý.

- Bước 2: Trường hợp hồ sơ được chuyển về Phòng chức năng liên quan. Phòng chức năng tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để tra cứu, tiếp cận, tìm kiếm, thu thập, sàng lọc thông tin và báo cáo Lãnh đạo Cục Thuế để trao đổi với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức tín dụng trên địa bàn theo quy chế phối hợp hoặc Thông tư liên tịch giữa Bộ Tài chính và các Bộ/Ngành có liên quan hướng dẫn việc trao đổi, cung cấp thông tin về người nộp thuế (nếu cần); Tìm kiếm, rà soát, đối chiếu thông tin qua Ứng dụng CNTT; kiểm tra, thanh tra người nộp thuế theo quy định (nếu cần thiết).

- Bước 3: Phòng chức năng tổng hợp thông tin, sàng lọc thông tin tìm được và báo cáo Lãnh đạo Cục Thuế để gửi công văn (và hồ sơ đính kèm) báo cáo về Tổng cục Thuế (qua Vụ HTQT), đồng thời gửi cho Phòng chủ trì 01 bản sao công văn để thông báo hoàn thành công việc.

Điều 7. Các bước yêu cầu Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp thông tin

Trong quá trình quản lý thuế, nếu Cục Thuế hoặc các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế (sau đây gọi là “đơn vị yêu cầu”) có yêu cầu cần được cung cấp hoặc xác minh thông tin từ phía Cơ quan thuế nước ngoài, có thể đề nghị cung cấp hoặc xác minh theo các bước dưới đây:

1. Tại các đơn vị yêu cầu cung cấp thông tin

1.1. Cục Thuế

a) Gửi Tổng cục Thuế (qua Vụ HTQT) đề nghị cung cấp hoặc xác minh thông tin (theo mẫu số 5a-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này).

b) Trường hợp đề nghị cung cấp thông tin nêu trên phải bổ sung tài liệu hoặc giải trình, trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu bổ sung thông tin từ Tổng cục Thuế, Cục Thuế có trách nhiệm bổ sung hoặc giải trình bằng văn bản cho Tổng cục Thuế (Vụ HTQT).

1.2. Các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế

a) Gửi Vụ HTQT đề nghị cung cấp hoặc xác minh thông tin (theo mẫu số 5b-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này).

b) Trường hợp đề nghị cung cấp thông tin nêu trên phải bổ sung tài liệu hoặc giải trình, trong 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu bổ sung thông tin từ Vụ HTQT, đơn vị thuộc Tổng cục Thuế có trách nhiệm bổ sung hoặc giải trình bằng văn bản cho Vụ HTQT.

2. Xử lý yêu cầu cung cấp thông tin tại Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)

2.1. Trong 2 ngày làm việc, Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) gửi theo địa chỉ liên hệ (nếu có) trong văn bản yêu cầu cung cấp thông tin thông báo đã nhận được đề nghị cung cấp thông tin (theo mẫu số 6-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này).

2.2. Trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được công văn đề nghị cung cấp hoặc xác minh thông tin, Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) dịch sang tiếng Anh và báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thuế một trong các hướng xử lý dưới đây:

a) Có công văn gửi Cục Thuế (hoặc các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế, hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác) đề nghị bổ sung thông tin, tài liệu trong trường hợp các thông tin, tài liệu tại công văn đề nghị cung cấp thông tin không đủ để Cơ quan thuế nước ngoài tiến hành thu thập hoặc xác minh thông tin, hoặc chưa đúng mẫu yêu cầu) hoặc đề nghị yêu cầu cung cấp thông tin không đúng với quy định; hoặc

b) Gửi thư (dính kèm hồ sơ tài liệu - nếu có) đề nghị Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp hoặc xác minh thông tin.

2.3. Trong 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp, Vụ HTQT có trách nhiệm phân tích, trình Lãnh đạo Tổng cục Thuế ký văn bản thông báo cho Cục Thuế (hoặc các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác) về thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp hoặc xác minh.

2.4. Trừ các trường hợp đặc biệt (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Tổng cục hoặc cần sớm có thông tin từ phía Cơ quan thuế nước ngoài, ...), trường hợp sau 90 ngày kể từ ngày gửi thư đề nghị cung cấp thông tin không nhận được thông tin từ Cơ quan thuế nước ngoài, Vụ HTQT trình Lãnh đạo Tổng cục Thuế ký văn bản nhắc lại đề nghị Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp hoặc xác minh thông tin.

Điều 8. Tổ chức khai thác thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp theo yêu cầu của Cơ quan thuế Việt Nam

1. Tại Cơ quan Tổng cục Thuế

1.1. Vụ HTQT

a) Trong 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp, Vụ HTQT gửi thông báo đã nhận được thông tin (theo mẫu số 7 ban hành kèm theo Quy chế này).

b) Trong 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp, Vụ HTQT dịch, phân tích và báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thuế một trong các hướng xử lý dưới đây:

b1. Gửi thư cho Cơ quan thuế nước ngoài đề nghị làm rõ thông tin đã cung cấp; hoặc

b2. Báo cáo Bộ Tài chính xin ý kiến chỉ đạo nếu thông tin cung cấp liên quan đến đấu tranh chống tham nhũng, rửa tiền tại Việt Nam; hoặc

b3. Chuyển đơn vị thuộc Tổng cục Thuế có liên quan để xử lý theo chức năng nếu thông tin cung cấp liên quan đến các đối tượng nước ngoài đang bị Cơ quan thuế nước ngoài điều tra hình sự, thanh tra trốn thuế hoặc liên quan đến đấu thầu hợp đồng tại Việt Nam; hoặc

b4. Trình Tổng cục ký công văn đề nghị Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cơ quan quản lý nhà nước có liên quan (Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, ...) tiến hành xử lý thông tin đối với các trường hợp khác.

b5. Trường hợp đặc biệt (cần thêm thời gian xử lý, tình huống phát sinh ngoài quy định hiện hành) sẽ báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thuế xem xét và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo.

1.2. Các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế

a) Trong 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin từ Vụ HTQT, các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế có nhiệm vụ tổ chức xử lý thông tin theo chức năng của mình.

b) Trường hợp thông tin được cung cấp phức tạp (liên quan đến nhiều địa phương, nhiều người nộp thuế, ...) phải tiến hành các biện pháp xử lý thông tin, kiểm tra hoặc thanh tra, trong 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin từ Vụ HTQT, các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế có trách nhiệm trình Lãnh đạo Tổng cục phụ trách khối và thông báo cho Vụ HTQT (theo mẫu số 2a-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này) để phối hợp theo dõi.

c) Trong 5 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý thông tin đã được cung cấp, các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo cho Vụ HTQT (theo mẫu số 8a-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này) để theo dõi và tổng hợp theo quy định tại Điều 11, Chương IV của Quy chế này.

2. Tại Cục Thuế

2.1. Trong 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin do Tổng cục Thuế cung cấp, Cục Thuế có trách nhiệm gửi Phiếu báo (theo mẫu số 3a-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này) cho Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) xác nhận về việc đã nhận được thông tin cung cấp và thông báo tên công chức thuộc Phòng chủ trì thuộc Cục Thuế (bao gồm thông tin liên hệ) được giao việc xử lý thông tin đã được cung cấp.

2.2. Trong 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin từ Tổng cục Thuế, Cục Thuế có nhiệm vụ tổ chức xử lý thông tin theo chức năng của mình. Sau đó báo cáo Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) kết quả xử lý thông tin theo quy định tại Điều 10, Chương IV của Quy chế này.

2.3. Trường hợp thông tin phức tạp (liên quan đến nhiều địa phương, nhiều người nộp thuế, ...) phải tiến hành các biện pháp xử lý thông tin, kiểm tra hoặc thanh tra, trong 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin do Tổng cục Thuế cung cấp, Cục Thuế có trách nhiệm báo cáo Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) (theo mẫu số 2b-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này) về việc kéo dài thời gian xử lý thông tin hoặc có sự hỗ trợ nếu cần thiết.

Điều 9. Tổ chức khai thác thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp tự động/tự nguyện

1. Tại Cơ quan Tổng cục Thuế

1.1. Vụ HTQT

a) Trong 2 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp, Vụ HTQT gửi thông báo đã nhận được thông tin (theo mẫu số 7-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này).

b) Trong 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp, Vụ HTQT liên hệ với cán bộ kỹ thuật của Cơ quan thuế nước ngoài và Cục CNTT (nếu cần) để phối hợp mở tệp dữ liệu gửi qua đĩa CD-ROM, dịch, phân tách dữ liệu theo địa bàn tỉnh/TP và báo cáo Tổng cục Thuế hướng xử lý. Bao gồm:

b1. Trình Tổng cục ký công văn gửi Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan cung cấp thông tin về thu nhập của các đối tượng có thu nhập chịu thuế phát sinh tại nước ngoài đề nghị là đối tượng cư trú tại Việt Nam nhằm hỗ trợ cho công tác quản lý và theo dõi nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế thuộc địa bàn do Cục Thuế quản lý.

b2. Giao Vụ HTQT ký văn bản gửi các Vụ/đơn vị có liên quan thuộc Tổng cục Thuế (Vụ TNCN, Vụ DNL, Vụ KK&KTT, Cục CNTT, ...) thông báo dữ liệu do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp để biết và phối hợp xử lý thông tin theo quy định của Quy chế này hoặc theo đề nghị phối hợp khai thác thông tin của Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan.

b3. Trường hợp đặc biệt (cần thêm thời gian xử lý do dữ liệu nhiều), Vụ HTQT báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thuế xem xét và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo.

1.2. Các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế

a) Trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin từ Vụ HTQT, các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế có nhiệm vụ tổ chức khai thác và lưu trữ thông tin theo chức năng của mình.

b) Trong 5 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả khai thác thông tin đã được cung cấp, các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo cho Vụ HTQT (theo mẫu số 8a-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này) để theo dõi và tổng hợp theo quy định tại Điều 11, Chương IV của Quy chế này.

2. Tại Cục Thuế

2.1. Trong 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin do Tổng cục Thuế cung cấp, Cục Thuế có trách nhiệm gửi Phiếu báo (theo mẫu số 3a ban hành kèm theo Quy chế này) cho Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) xác nhận về việc đã nhận được thông tin cung cấp và thông báo tên công chức thuộc Phòng chủ trì thuộc Cục Thuế (bao gồm thông tin liên hệ) được giao việc khai thác thông tin đã được cung cấp.

2.2. Trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin từ Tổng cục Thuế, Cục Thuế có nhiệm vụ tổ chức khai thác và lưu trữ thông tin theo chức năng của mình. Sau đó báo cáo kết quả khai thác thông tin theo quy định tại Chương IV của Quy chế này.

3. Trách nhiệm lưu trữ thông tin

Tổng cục Thuế giao Vụ HTQT phối hợp với Cục CNTT nghiên cứu, xây dựng phương án lưu trữ thông tin trao đổi trên hệ thống CSDL toàn ngành phục vụ mục tiêu quản lý thuế nhưng vẫn đảm bảo quy định về bảo mật theo quy định.

CHƯƠNG IV

BÁO CÁO KẾT QUẢ TRAO ĐỔI, KHAI THÁC THÔNG TIN

Điều 10. Tại Cục Thuế

Trong 5 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xử lý thông tin đã được cung cấp theo quy định tại các điểm 2.2, Điều 6; điểm 2.3, Điều 7; điểm 2.2, Điều 8; điểm 2.2, Điều 9 của Quy chế này, Cục Thuế có trách nhiệm báo cáo kết quả xử lý thông tin gửi Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) theo mẫu số 8b-TĐTT ban hành kèm theo Quy chế này để theo dõi và tổng hợp theo quy định tại Điều 11 dưới đây.

Điều 11. Tại Cơ quan Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)

1. Trong 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả xử lý thông tin từ Cục Thuế hoặc các đơn vị thuộc Tổng cục Thuế hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan, Vụ HTQT tổng hợp kết quả xử lý thông tin.

2. Vụ HTQT tổng hợp tình hình thực hiện trao đổi thông tin theo Hiệp định thuế vào thời điểm tổng kết công tác năm để báo cáo Lãnh đạo Tổng cục Thuế kết quả thực hiện. Đồng thời, Vụ HTQT tổ chức việc lưu trữ thông tin (bao gồm thông tin trao đổi theo yêu cầu, thông tin trao đổi tự động và tự nguyện) theo quy định tại Quy chế làm việc của cơ quan Tổng cục Thuế.

3. Trừ các trường hợp đặc biệt (theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Tổng cục hoặc cần sớm có thông tin theo kiến nghị của Cơ quan thuế nước ngoài, ...), trường hợp sau 60 ngày kể từ ngày gửi Cục Thuế công văn (đề nghị cung cấp/xác minh thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài yêu cầu hoặc khai thác thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp) không nhận được thông tin từ Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ HTQT thửa lệnh Tổng cục Thuế ký văn bản nhắc lại Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

CHƯƠNG V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp trong quá trình yêu cầu Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp thông tin hoặc thực hiện cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cơ quan thuế nước ngoài, cần thuê dịch thuật hồ sơ tài liệu sang tiếng Anh hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, Vụ HTQT phối hợp với Văn phòng thuê dịch thuật và thanh, quyết toán theo chế độ quy định.

2. Việc chấp hành quy định tại Quy chế này là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá, phân loại, bình xét thi đua, khen thưởng đối với tập thể, công chức và người đứng đầu đơn vị, Cơ quan thuế các cấp.

3. Cục trưởng Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc, trực thuộc Tổng cục Thuế có trách nhiệm thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị phản ánh về Tổng cục Thuế (qua Vụ HTQT) để nghiên cứu và xem xét sửa đổi, bổ sung./. ✓

Mẫu số: 1-TĐTT
(Ban hành kèm theo Quyết định
số 1294/QĐ-TCT ngày
13/8/2018 của Tổng cục Thuế)

Số: /TCT-HTQT

Kính gửi: Ông/Bà
.....
Cơ quan thuế

Thưa ông/bà,

V/v: Yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại Điều ... của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và

Chúng tôi xin thông báo đã nhận được thư số ngày/....../..... của ông/bà về việc cung cấp thông tin theo quy định tại Điều của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa hai nước chúng ta.

Tôi xin thông báo với ông/bà rằng thông tin được yêu cầu đang trong quá trình xử lý và chúng tôi sẽ cố gắng để cung cấp thông tin này trong thời gian sớm nhất có thể.

Kính thư,

.....
Nhà chức trách có thẩm quyền
Phó Tổng cục trưởng (hoặc Vụ trưởng Vụ HTQT tuỳ theo đối tác)
Tổng cục Thuế
Số 123 Lò Đúc, Hà Nội, Việt Nam *M*

Mẫu số: 2a-TĐTT
(Ban hành kèm theo Quyết định
số 1294/QĐ-TCT ngày
13/8/2018 của Tổng cục Thuế)

TỔNG CỤC THUẾ
ĐƠN VỊ:

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc kéo dài thời gian thu thập thông tin

Kính gửi: Vụ HTQT

Vụ/dơn vị: đã nhận được văn bản ngày tháng năm của Vụ HTQT và hồ sơ kèm theo gồm trang.

Lý do đề nghị kéo dài thời gian thu thập thông tin:

Thời gian dự định thu thập được thông tin theo yêu cầu: ngày làm việc.

Văn bản và hồ sơ nêu trên sẽ được xử lý và lưu giữ theo đúng các quy định quản lý hành chính hiện hành.

Vụ/dơn vị thông báo Vụ HTQT biết để phối hợp theo dõi./.

Nơi nhận:
- Vụ HTQT;
- Lưu: Vụ/dơn vị

VỤ TRƯỞNG
hoặc **KT. VỤ TRƯỞNG**
PHÓ VỤ TRƯỞNG
(ký, ghi rõ họ tên)

Họ và tên P

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Về việc kéo dài thời gian thu thập thông tin

Cục Thuế đã nhận được công văn số:/TCT-HTQT ngày tháng năm của Tổng cục Thuế và hồ sơ kèm theo gồm trang.

Lý do đề nghị kéo dài thời gian thu thập thông tin:

Thời gian dự định thu thập được thông tin theo yêu cầu: ngày làm việc.

Hoặc:

Yêu cầu hỗ trợ thu thập thông tin từ Tổng cục Thuế để theo dõi và phối hợp theo yêu cầu của Cơ quan thuế nước ngoài (nêu cụ thể yêu cầu).

Công văn và hồ sơ nêu trên đã được chuyển Phòng (phối hợp với Chi cục Thuế ...)....., thông tin liên hệ: (họ tên, số điện thoại liên hệ) để xử lý và lưu giữ theo đúng các quy định quản lý hành chính hiện hành.

Cục Thuế thông báo để Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) biết và phối hợp theo dõi./.

Noi nhận:

- Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) (để b/c);
- Lưu: VT,

CỤC TRƯỞNG
hoặc KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)

Họ và tên *Ph*

Mẫu số: 3a-TĐTT
(Ban hành kèm theo Quyết định
số 1294/QĐ-TCT ngày
13/8/2018 của Tổng cục Thuế)

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

PHIẾU BÁO
Về việc đã nhận hồ sơ

Cục Thuế đã nhận được công văn số:/TCT-HTQT ngày tháng năm của Tổng cục Thuế và hồ sơ kèm theo gồm trang.

Công văn và hồ sơ nêu trên đã được chuyển Phòng (phối hợp với Chi cục Thuế ...), thông tin liên hệ: (họ tên, số điện thoại liên hệ) để xử lý và lưu giữ theo đúng các quy định quản lý hành chính hiện hành./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thuế (Vụ HTQT) (để b/c);
- Lưu: VT,

CỤC TRƯỞNG
hoặc KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
hoặc TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH
(ký tên, đóng dấu)

Họ và tên P2

Mẫu số: 3b-TĐTT
(Ban hành kèm theo Quyết định
số 1294/QĐ-TCT ngày
13/8/2018 của Tổng cục Thuế)

TỔNG CỤC THUẾ
ĐƠN VỊ:

Hà Nội, ngày tháng năm

PHIẾU BÁO
Về việc đã nhận hồ sơ

Vụ/đơn vị: đã nhận được văn bản ngày tháng
năm của Vụ HTQT và hồ sơ kèm theo gồm trang.

Vụ/đơn vị đang tiến hành xử lý và lưu giữ văn bản
và hồ sơ nêu trên theo đúng các quy định quản lý hành chính hiện hành./.

Nơi nhận:

- Vụ HTQT;
- Lưu: Vụ/đơn vị

VỤ TRƯỞNG
hoặc **KT. VỤ TRƯỞNG**
PHÓ VỤ TRƯỞNG
(ký, ghi rõ họ tên)

Họ và tên

Mẫu số: 4-TĐTT
(Ban hành kèm theo Quyết định
số 1294/QĐ-TCT ngày
13/8/2018 của Tổng cục Thuế)

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CT-....

V/v cung cấp thông tin theo Hiệp
định tránh đánh thuế hai lần.

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Tổng cục Thuế (Vụ HTQT).

Căn cứ quy định tại Quy chế trao đổi thông tin theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần ban hành kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-TCT ngày 13/8/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Theo yêu cầu của Tổng cục Thuế tại công văn số .../TCT-HTQT ngày .../.../.... v/v, Cục Thuế đã tổ chức thu thập thông tin [hoặc tiến hành thanh tra, kiểm tra người nộp thuế (nếu có)] để thu thập thông tin và báo cáo kết quả thu thập thông tin như sau:

.....

.....

Đầu mối liên hệ/trao đổi công việc của Cục Thuế: họ tên, địa chỉ email, số điện thoại liên hệ.

Việc quản lý và khai thác thông tin trên được thực hiện theo đúng các quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và và Điều 8, 9 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

CỤC TRƯỞNG
hoặc KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)

Họ và tên 

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CT-....

....., ngày tháng năm

V/v đề nghị cung cấp/xác minh
thông tin theo Hiệp định tránh
đánh thuế hai lần.

Kính gửi: Tổng cục Thuế (Vụ HTQT)

Căn cứ quy định tại Quy chế trao đổi thông tin theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần ban hành kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-TCT ngày 13/8/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Để phục vụ cho công tác quản lý thuế, Cục Thuế đề nghị Tổng cục Thuế liên hệ với Cơ quan thuế cung cấp/xác minh thông tin với các nội dung như sau:

1. Người nộp thuế Việt Nam (hoặc đối tượng Việt Nam) liên quan đến người nộp thuế nước ngoài cần cung cấp/xác minh thông tin:

- Tên:
- Địa chỉ:
- Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có):
- Liên hệ với người nộp thuế nước ngoài (đối tác hợp đồng, bên liên kết,...)

2. Người nộp thuế nước ngoài cần xác minh/đổi chiếu thông tin:

- Tên:
- Địa chỉ tại nước ngoài:
- Số điện thoại, Fax, Email tại nước ngoài:
- Số đăng ký kinh doanh (nếu là công ty), số hộ chiếu (nếu là cá nhân):
- Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có):
- Mã số thuế tại nước ngoài (nếu có):

3. Mô tả giao dịch với người nộp thuế Việt Nam (hoặc đối tượng Việt Nam)

4. Báo cáo tóm tắt biện pháp Cục Thuế đã áp dụng để chứng minh hành vi gian lận của người nộp thuế (nếu có) hoặc nội dung yêu cầu người nộp thuế giải trình và các thông tin do người nộp thuế cung cấp.

5. Các nghi ngờ và thông tin đề nghị cung cấp/xác minh:

6. Hồ sơ gửi kèm: (đề nghị tập hợp đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan để chứng minh nghi ngờ nêu trên hoặc là các cơ sở cần thiết để cơ quan thuế nước ngoài có thể cung cấp hoặc xác minh thông tin như: hợp đồng, tờ khai xuất nhập khẩu, tờ khai thuế, giấy thanh toán, ...).

Đầu mối liên hệ/trao đổi công việc của Cục Thuế: họ tên, địa chỉ email, số điện thoại liên hệ.

Việc quản lý và khai thác thông tin trên được thực hiện theo đúng các quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và và Điều 8, 9 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

CỤC TRƯỞNG
hoặc KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)

Họ và tên 

TỔNG CỤC THUẾ
ĐƠN VỊ:

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Vụ HTQT.
V/v đề nghị cung cấp/xác minh thông tin
theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Căn cứ quy định tại Quy chế trao đổi thông tin theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần ban hành kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-TCT ngày 13/8/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Để phục vụ cho công tác quản lý thuế, Vụ/đơn vị đề nghị Vụ HTQT liên hệ với Cơ quan thuế cung cấp/xác minh thông tin với các nội dung như sau:

1. Người nộp thuế Việt Nam (hoặc đối tượng Việt Nam) liên quan đến người nộp thuế nước ngoài cần cung cấp/xác minh thông tin:

- Tên:
- Địa chỉ:
- Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có):
- Liên hệ với người nộp thuế nước ngoài (đối tác hợp đồng, bên liên kết,...)

2. Người nộp thuế nước ngoài cần xác minh hoặc đối chiếu thông tin:

- Tên:
- Địa chỉ tại nước ngoài:
- Số điện thoại, Fax, Email tại nước ngoài:
- Số đăng ký kinh doanh (nếu là công ty), số hộ chiếu (nếu là cá nhân):
- Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có):
- Mã số thuế tại nước ngoài (nếu có):

3. Mô tả giao dịch với người nộp thuế Việt Nam (hoặc đối tượng Việt Nam)

4. Báo cáo tóm tắt biện pháp Vụ/đơn vị ... đã áp dụng để chứng minh hành vi gian lận của người nộp thuế (nếu có) hoặc nội dung yêu cầu người nộp thuế giải trình và các thông tin do người nộp thuế cung cấp.

5. Các nghi ngờ và thông tin đề nghị cung cấp/xác minh:

6. Hồ sơ gửi kèm: (đề nghị tập hợp đầy đủ các tài liệu, hồ sơ liên quan để chứng minh nghi ngờ nêu trên hoặc là các cơ sở cần thiết để cơ quan thuế nước ngoài có thể cung cấp hoặc xác minh thông tin như: hợp đồng, tờ khai xuất nhập khẩu, tờ khai thuế, giấy thanh toán, ...).

Đầu mối liên hệ/trao đổi công việc của Vụ/đơn vị: họ tên, địa chỉ email, số điện thoại liên hệ.

Việc quản lý và khai thác thông tin trên được thực hiện theo đúng các quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và và Điều 8, 9 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006./.

**VỤ TRƯỞNG
hoặc KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG**
(ký, ghi rõ họ tên)

Họ và tên 

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

Số: /TCT-HTQT
V/v đề nghị cung cấp/xác
minh thông tin theo Hiệp
định tránh đánh thuế hai lần.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Thuế
(hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác)

Tổng cục Thuế thông báo đã nhận được công văn số ngày .../.../.... của Cục Thuế (hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác) về việc cung cấp/xác minh thông tin theo quy định tại Điều của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và

Tổng cục Thuế đang trong quá trình xử lý thông tin nêu trên để yêu cầu Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp thông tin theo đúng quy định tại Quy chế trao đổi thông tin theo Hiệp định thuế ban hành kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-TCT ngày 13/8/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế (hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác) biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HTQT (2b).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ
hoặc KT. VỤ TRƯỞNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG**

(ký tên, đóng dấu)

Họ và tên PT

Mẫu số: 7-TĐTT
(Ban hành kèm theo Quyết định
số 1294/QĐ-TCT ngày
13/8/2018 của Tổng cục Thuế)

Số: /TCT-HTQT

Kính gửi: Ông/Bà
.....
Cơ quan thuế

Thưa ông/bà,

V/v: trao đổi thông tin theo quy định tại Điều ... của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và

Chúng tôi xin thông báo đã nhận được thư số ngày/....../.... của ông/bà về việc cung cấp thông tin theo quy định tại Điều của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa hai nước chúng ta.

Thông tin do ông/bà cung cấp đang trong quá trình xử lý và chúng tôi tin chắc rằng thông tin này sẽ hữu ích trong quá trình quản lý thuế của chúng tôi.

Bất kỳ thông tin nào do ông/bà cung cấp sẽ được sử dụng và tiết lộ theo đúng các quy định của Hiệp định thuế giữa hai nước.

Kính thư,

.....
Nhà chức trách có thẩm quyền
Phó Tổng cục trưởng (hoặc Vụ trưởng Vụ HTQT tuỳ theo đối tác)
Tổng cục Thuế
Số 123 Lò Đúc, Hà Nội, Việt Nam *mg*

TỔNG CỤC THUẾ
ĐƠN VỊ:

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi: Vụ HTQT.
V/v thông báo tình hình xử lý thông tin theo Hiệp định thuế

Căn cứ quy định tại điểm 1.2, Điều 9, Quy chế trao đổi thông tin theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần ban hành kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-TCT ngày 13/8/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Căn cứ công văn ngày .../.../.... của Vụ HTQT v/v

Vụ/đơn vị thông báo tình hình xử lý thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp theo công văn ngày .../.../.... của Vụ HTQT như sau:

1. Thông tin chưa khai thác được (lý do không đầy đủ, không chính xác, không thích hợp, ...):

2. Thông tin đã được khai thác với kết quả như sau:

- Kết quả cụ thể về số thuế truy thu, không phải hoàn, ...
- Đã chuyển các cơ quan quản lý Nhà nước để xử lý.
-

Vụ/đơn vị thông báo để Vụ HTQT được biết và tổng hợp./.

VỤ TRƯỞNG
hoặc KT. VỤ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG
(ký, ghi rõ họ tên)

Họ và tên 

Mẫu số: 8b-TĐTT
(Ban hành kèm theo Quyết định
số 1294/QĐ-TCT ngày
13/8/2018 của Tổng cục Thuế)

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CT-....

V/v báo cáo tình hình xử lý thông tin theo Hiệp định thuế.

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Tổng cục Thuế (Vụ HTQT).

Căn cứ quy định tại Điều 10, Chương IV, Quy chế trao đổi thông tin theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần ban hành kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-TCT ngày 13/8/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Căn cứ công văn số/TCT-HTQT ngày/.../.... của Tổng cục Thuế v/v;

Cục Thuế báo cáo Tổng cục Thuế tình hình xử lý thông tin do Cơ quan thuế nước ngoài cung cấp theo công văn số/TCT-HTQT của Tổng cục Thuế như sau:

1. Thông tin chưa khai thác được (lý do không đầy đủ, không chính xác, không thích hợp, ...):

2. Thông tin đã được khai thác với kết quả như sau:

- Kết quả cụ thể về số thuế truy thu, không phải hoàn, ...
- Đã chuyển các cơ quan quản lý Nhà nước để xử lý.
-

Cục Thuế báo cáo để Tổng cục Thuế được biết và tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

CỤC TRƯỞNG
hoặc KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)

Họ và tên 